

ĐÀO TẠO CHUYÊN GIA KHOA HỌC TRÊN LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐẶNG THANH LÊ

I. ĐÀO TẠO CHUYÊN GIA KHOA HỌC LÀ MỘT ĐỀ TÀI CÓ TÍNH CHẤT CHIẾN LƯỢC KHOA HỌC VÀ CÓ Ý NGHĨA XÃ HỘI RỘNG LỚN SÂU SẮC

Xây dựng một nền khoa học tiên tiến là yêu cầu tất yếu để phát triển xã hội cũng như đào tạo chuyên gia trên mọi lĩnh vực là yêu cầu phát triển của bản thân sự nghiệp khoa học. Cơ cấu của một đơn vị khoa học, một chuyên ngành khoa học cần phải được chuẩn hóa về mặt tổ chức đội ngũ các nhà khoa học trong đó có các chuyên gia khoa học: một viện nghiên cứu, một khoa, một tổ bộ môn... tùy thuộc vào vị trí đối với sự yêu cầu xây dựng đất nước và những điều kiện phát triển của đất nước, cần bao nhiêu nhà khoa học, bao nhiêu chuyên gia khoa học, là vấn đề cần được đặt ra.

1- Là một đề tài khoa học, vấn đề cần được xử lý trước hết từ việc giới thuyết và quan niệm về chuyên gia khoa học.

Có những khái niệm cần được giới thuyết: nhà khoa học, chuyên gia khoa học, chuyên gia đầu ngành, mối quan hệ giữa khái niệm này với những khái niệm học giả và bác học... Những khái niệm chỉ có thể được minh định *trong cùng một hệ thống*. Ở đây, chúng tôi xin phép được tạm thời quan niệm về chuyên gia khoa học đầu ngành như sau: là người nắm vững một chuyên ngành về mặt nghiên cứu lý thuyết cũng như nghiên cứu ứng dụng, có khả năng đưa ra những phương pháp phát triển có tính chất chiến lược - trong đó có vấn đề xây dựng đào tạo đội ngũ, có khả năng chủ trì những đề tài khoa học lớn, có công trình khoa học quy mô lớn và có chất lượng khoa học cao.

Vấn đề giới thuyết chuyên gia khoa học cũng có thể được xử lý trong mối quan hệ với học vị, học hàm. Tuy nhiên, cơ bản vẫn là thực chất năng lực của nhà khoa học. Mặt khác, quan niệm về chuyên gia khoa học đầu ngành, về nhà bác học cũng còn cần được xử lý trên cơ sở ý thức, tinh thần thái độ của một truyền thống xã hội và của giới khoa học (mặc cảm tự ty dân tộc về mặt khoa học, chủ nghĩa bình quân v.v...).

2- Là một vấn đề của chiến lược khoa học.

Nền khoa học Việt Nam cần bắt kịp tốc độ của thời đại nhưng *đào tạo chuyên gia khoa học là vấn đề của chiến lược dài lâu*. Đối với khoa học xã hội, tính chất chiến lược dài lâu đó có nội hàm ý nghĩa dài lâu cả về mặt thời gian đào tạo. Một nhà Toán học tài năng có thể trở thành chuyên gia đầu ngành vào lúc lứa tuổi từ 20 đến 30. Nhưng điều đó hiếm xảy ra đối với các nhà nghiên cứu Triết học, Lịch sử, Văn học v.v... Có thể khẳng định điều đó qua thực tiễn công tác đào tạo từ phó tiến sỹ đến tiến sỹ trong ngành Văn học. Từ phó tiến sỹ trở thành tiến sỹ Văn học thời gian đào tạo nói chung phải từ 5 đến 10 năm trở lên. Tính chất chiến lược của vấn đề đào tạo chuyên gia khoa học xã hội như vậy, đòi hỏi một tầm nhìn chiến lược và sự xây dựng một chiến lược đào tạo chuyên gia khoa học và

chuyên gia khoa học đầu ngành. Đây không thể là công việc của một vài người.

Tính chất chiến lược đó cũng đòi hỏi việc đưa khoa học dự báo vào đề tài nghiên cứu đào tạo chuyên gia khoa học. Hướng tiếp cận này có nhiều khó khăn trong thực hiện đối với chúng ta (không có kinh phí để tổ chức thông tin khoa học) nhưng đó lại là một công việc cấp thiết, cơ bản cần được giải quyết.

II. ĐÀO TẠO CHUYÊN GIA KHOA HỌC XÃ HỘI TRÊN CƠ SỞ VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG CỦA CÁC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội (cũng như khoa học nói chung), không có ngành nào có chức năng vị trí ưu thế hơn ngành nào. Tuy nhiên, vị trí chức năng mỗi ngành có khác biệt, trong tác động đối với xã hội. Mặt khác, điều kiện cụ thể để phát triển một ngành khoa học này, khác của đất nước cũng có những đặc điểm riêng. Cần có một thứ tự ưu tiên cho những ngành khoa học nhất định và từ đó, dành vị trí cho việc đào tạo chuyên gia khoa học. Xin phát biểu mấy điểm sau đây:

1- Những chuyên ngành có tầm quan trọng hàng đầu

Triết học là bộ môn giữ vị trí chủ đạo bởi đó là một ngành khoa học có ý nghĩa, giá trị phổ quát. Nhưng khi đi vào đời sống Triết học cần có sự "hỗ trợ" liên ngành của các ngành khoa học xã hội, khoa học nhân văn, Văn hóa nghệ thuật, đặc biệt là của Xã hội học và Văn học.

Xã hội học là một gương mặt quá mới mẻ đối với chúng ta nhưng sẽ là một ngành khoa học giữ vị trí hàng đầu trong thế kỷ XXI. Hệ thống lý luận Triết học có giá trị phổ quát khi đi vào đời sống một đất nước, một cộng đồng, phải được chuyển hóa kết hợp với hệ thống lý luận thuộc quy mô cấp độ thực tiễn hóa, cấp độ lý luận Xã hội học. Đối diện các vấn đề thực tiễn trước mắt của một đất nước, một cộng đồng - không thể chỉ dựa trên nền tảng khái quát của Triết học và cũng không thể dừng ở mức độ kinh nghiệm cụ thể. Xã hội học với đối tượng nghiên cứu "các vấn đề xã hội trước mắt"¹, "có mục tiêu hoạt động với hiệu quả và cống hiến lớn nhất trước tiên với tư cách là một khoa học ứng dụng"² - chính là khoa học cần thiết để nắm bắt thực tiễn và trên cơ sở ấy, đề ra chính sách chế độ. Ở châu Âu, Xã hội học là một ngành khoa học xuất hiện và phát triển mạnh mẽ để giải đáp "các vấn đề đặt ra bởi các cuộc khủng hoảng" của xã hội tư bản cận hiện đại. Đây là một ngành, cho đến nay, chưa có nhiều chuyên gia khoa học, khi so sánh với những ngành đã có tuổi đời dài hơn như Văn học, Sử học, Dân tộc học.. Rõ ràng, đây là ngành cần được ưu tiên trong việc đào tạo chuyên gia khoa học².

Vị trí ngành *Văn học* được quyết định bởi bản chất, đặc trưng của tác phẩm văn học. Khuynh hướng tư tưởng tình cảm của con người được hình thành, phát triển từ môi trường văn hóa xã hội và từ văn học nghệ thuật. Bởi quảng đại quần chúng không tiếp nhận những bài học về vũ trụ quan, nhân sinh quan trực tiếp từ Triết học. Đặc trưng duy lý trong khái quát và trừu tượng hóa chân lý khiến Triết học không thể trực tiếp thực thi chức năng "hướng đạo tinh thần" cho con người trong xã hội nói chung. Triết học là bộ phận khoa học tạo nên phẩm cách văn hóa của con người tri thức đã qua đào tạo đại học.³ Đối với thế hệ trẻ ở bậc trung học và đối với quảng đại quần chúng, cùng với một số bộ môn văn hóa nghệ thuật khác, Văn học giữ vị trí hướng đạo tâm hồn. Tác động của Văn học bền vững,

^{1,2}. P.M. Fédossev Về vấn đề đối tượng của xã hội học. Tạp chí Xã hội học, số 3/1982.

³. Trước đây chúng tôi đã có dịp đề cập đến vấn đề này trên Tạp chí *Xã hội học*

⁴. Theo Hữu Ngọc trong *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp* Nhà xuất bản ngoại văn, Hà Nội 1991, có ít nước như Pháp, đưa Triết học vào năm cuối cùng của bậc trung học.

sâu sắc bởi nó đi vào cả trái tim và trí tuệ, đi vào tâm hồn con người, do đó, giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự hình thành và phát huy phẩm chất tư tưởng tình cảm của con người. Vị trí của Văn học ở nhà trường trung học và trong đời sống bình thường hàng ngày của người lao động cần được nhìn nhận xử lý trên những quan niệm hiện đại và toàn diện. Do vậy, đây cũng là một chuyên ngành cần có đội ngũ chuyên gia khoa học với số lượng lớn.

2- Đối với tất cả các chuyên gia ngành khoa học xã hội, chúng tôi đề nghị lưu ý đến sự đào tạo chuyên sâu một số phân ngành (chúng tôi xin miễn trình bày lý do khoa học và thực tiễn vì khuôn khổ của một bài viết).

- Triết học cổ đại phương Đông
- Triết học cổ đại và cận, hiện đại phương Tây.
- Tâm lý học - xã hội
- Xã hội học - nghệ thuật

3- Chuyên gia khoa học chính là nhân tài đất nước.

Đào tạo nhân tài phải được tiến hành từ ấu thơ, niêu thiếu. Vị trí có tầm quan trọng hàng đầu - bởi đó là vị trí nền tảng, vị trí của xuất phát điểm - thuộc về ngành Giáo dục và Khoa học giáo dục. Không thể có nhân tài trên cơ sở một nền tảng giáo dục phổ thông trung học và đại học lạc hậu, nghèo nàn. Vấn đề kinh phí cho giáo dục là vấn đề cần được nhìn nhận lại: kinh phí của chúng ta dành cho giáo dục là 8% tổng kinh phí. (Kinh phí giáo dục của Thụy Điển là 25% trong đó 13% của nhà nước và 12% do các cấp chính quyền cấp dưới như thành phố, thị trấn... đóng góp). Chất xám, học vấn của bộ phận lớn giáo viên phổ thông trung học còn để dành cho những "lớp học thêm". Đó là một hiện tượng trái quy luật bởi bản chất nghề nghiệp đòi hỏi người giáo viên phải cống hiến toàn bộ trí tuệ, học vấn cho đối tượng học sinh mà người thầy được giao phó. Ngành giáo dục cùng với một số ngành văn hóa và xã hội khác (y tế, công an, bộ đội...) phải thuộc lĩnh vực phúc lợi xã hội, hay cũng có thể nói, là những ngành nhất thiết phải được "bao cấp". Người giáo viên phải có đồng lương xứng đáng để họ không còn cần phải để dành "một phần vốn trí thức" vào việc dạy ngoài giờ. Đó là hiện tượng bi kịch của những giáo viên có lương tâm và tình trạng tiêu cực của những người giáo viên bị tha hóa.

III. BỒI DƯỠNG TÀI NĂNG Ở BẬC ĐẠI HỌC.

1. Một sự đào tạo chính quy và hiện đại.

Ngành đại học Việt Nam hiện nay đã vượt qua được kiểu đào tạo phi chính quy. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là một sự đào tạo chính quy (nhà trường) và hiện đại (đạt tiêu chuẩn khoa học tiên tiến).

a) Trình độ ngoại ngữ của sinh viên nói riêng, của nền giáo dục Việt Nam nói chung, là chưa chuẩn. Giảng dạy khoa học Mỹ nhưng không biết tiếng Anh, nghiên cứu Văn học Pháp nhưng tiếng Pháp chỉ đủ để giao tiếp thông thường là hiện trạng còn tồn tại. Hiện tượng một số chuyên gia khoa học (đặc biệt trong khoa học xã hội) không thể sử dụng một ngoại ngữ nào là di sản của một thời kỳ giáo dục trung học bỏ mất giờ ngoại ngữ. Hiện nay đã khôi phục bộ môn ngoại ngữ nhưng còn phải tiếp tục giải quyết chất lượng đào tạo ¹

¹. Chúng tôi tán thành ý kiến về vấn đề này của hai tác giả Nguyễn Văn Ân, Đinh Anh Tú trong bài *Mấy suy nghĩ về đào tạo chuyên gia khoa học ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay* Tạp chí Xã hội học 2/1992

b) Đối với một chuyên ngành khoa học, đi theo hướng nâng cao trình độ liên ngành là một yêu cầu của giáo dục truyền thống và của khoa học hiện đại.

Ngành đại học của chúng ta hướng sinh viên đi vào chuyên ngành hẹp nhiều hơn, chưa đào tạo được một nền học vấn đại học sâu rộng. Cần có một quan niệm "mở" hơn trong đào tạo trên đại học - chúng tôi đề nghị nghiên cứu lại vấn đề phân ngành đào tạo trên đại học. Sự phân ngành ở một số bộ môn còn quá hạn định và chặt chẽ do đó chưa phát huy hết được tiềm năng cũng như hiệu quả của việc đào tạo trên đại học. Việc đào tạo đội ngũ nghiên cứu Sử học, Văn học của chúng ta khoảng từ những năm 60 trở lại đây đã không đi theo hướng tiêu chuẩn hóa đó, đã hạn chế tri thức triết học ở bộ môn Mác Lê. Lịch sử văn hóa nghệ thuật, Lịch sử Triết học đã không được đưa vào chương trình đào tạo Ngữ văn. Kết quả là nghiên cứu văn học dân tộc và văn học phương Đông nhưng không nắm vững, tứ thư, ngũ kinh. Nghiên cứu văn học phương Tây nhưng không có khái niệm kinh Thánh, về chủ nghĩa hiện sinh v.v... Những bộ môn khoa học hỗ trợ cần được đưa vào chương trình chính thức (chúng ta có thể thấy một thực tế tương tự ở ngành nghiên cứu văn học Xô viết trước đây qua bài của J. M.Lôtman: *Nghiên cứu văn học phải trở thành khoa học*¹.

c) "Đào tạo kép" đối với một số chuyên ngành - Đó là điều cần thiết đối với Triết học cổ trung đại, Văn học cổ trung đại Việt Nam, Văn học nước ngoài. Đó là những ngành mà nếu muốn đào tạo chuyên gia giỏi, có thể cần được chiếm lĩnh hai bằng đại học.

2. Tạo điều kiện học tập nghiên cứu.

- Không chỉ giáo trình tự chọn và còn là trường, thầy giáo tự chọn.

- Đưa những sinh viên giỏi vào hoạt động giảng dạy vì hoạt động này đòi hỏi một nỗ lực lớn, là sự thực nghiệm nghiên cứu khoa học qua một khâu kiểm tra khoa học nghiêm khắc, nên có thể đạt đến hiệu quả phát triển tài năng.

3- Tìm kiếm nhiều hướng đào tạo đại học, trên đại học ở nước ngoài và tạo điều kiện mời giáo sư nước ngoài vào giảng. Đề nghị có một chương trình kế hoạch hệ thống, cụ thể về vấn đề mời chuyên gia nước ngoài.

Cuối cùng chúng tôi cho rằng cần đưa dự báo học về đời sống khoa học kỹ thuật của đầu thế kỷ XXI vào chương trình nghiên cứu đào tạo chuyên gia khoa học Việt Nam. Ví dụ như một số vấn đề sau đây:

- Những ngành khoa học mũi nhọn trên thế giới.

- Những ngành cần thiết và có khả năng phát triển ở Việt Nam.

- Dự án về điều kiện và khả năng phát triển của đội ngũ khoa học Việt Nam, dự án về vấn đề đào tạo chuyên gia khoa học Việt Nam, đặc biệt là chuyên gia khoa học xã hội.

¹. Bài in trong Nhiều tác giả. *Các vấn đề của khoa học Văn học*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1990.